

Số: 30 /QĐ-SLĐTBXH

Ninh Thuận, ngày 09 tháng 09 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán kinh phí thực hiện
Pháp lệnh ưu đãi Người có công năm 2022 của
Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh

GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI NINH THUẬN

Căn cứ Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 21/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 382/QĐ-SLĐTBXH ngày 31/12/2021 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện Pháp lệnh ưu đãi Người có công với cách mạng;

Theo đề nghị của Kế toán trưởng và ý kiến trình của Chánh Văn phòng Sở Lao động – Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

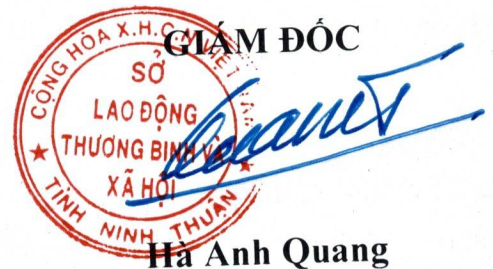
Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán kinh phí thực hiện Pháp lệnh ưu đãi Người có công năm 2022 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Sở, kế toán trưởng và các đơn vị có liên quan thuộc và trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- KBNN tỉnh;
- Sở Tài chính;
- GD và các PGD;
- Các phòng chuyên môn thuộc Sở;
- Lưu: VT – VP.



Đơn vị: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Ninh Thuận

Chương: 024

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022
(Kinh phí thực hiện pháp lệnh ưu đãi Người có công)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	thực hiện năm 2022	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
2.1	Chi sự nghiệp....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi bảo đảm xã hội				
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi Chương trình mục tiêu				
4	Chi thực hiện Pháp lệnh ưu đãi Người có công	8.534,783	7.757,89	90,90%	258,64%

Ngày 09 tháng 02 năm 20

Kế toán trưởng



Ngô Mỹ Thùy Trang

Thu trưởng đơn vị



Hà Anh Quang